TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2024/QĐST-KDTM	*Hạ Long, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 293, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, khoản 1 Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2023/TLST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: số A, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Hoàng L, ông Phạm Tuấn A, ông Đỗ Thành T đều là Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ Pháp lý; (Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 của người đại diện theo pháp luật Ngân hàng Thương mại cổ phần V);

Người nhận ủy quyền lại: ông Nguyễn Tuấn N, là Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Hà Quang H và ông Nguyễn Lê Q, đều là Cán bộ xử lý nợ; cùng địa chỉ: tầng 6,

số 152 đường H, quận H, thành phố H; (Văn bản ủy quyền số 04/2023/UQ-LCC-KHDN MB01 ngày 15/10/2023 của ông Phạm Tuấn A).

* Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ trụ sở: thôn X, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Tuấn N, chức danh: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1964; nơi cư trú: tổ 2, khu 8, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Giấy ủy quyền ngày 01/12/2023 của người diện theo pháp luật ông Đặng Tuấn N).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 1A, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền (tính đến ngày 05/4/2024) là: 3.554.823.719 (ba tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm mười chín) đồng, trong đó: nợ gốc là: 2.680.000.000 (hai tỷ, sáu trăm tám mươi triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 46.790.155 (bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn, một trăm năm mươi lăm) đồng; nợ lãi quá hạn là: 823.180.143 (tám trăm hai mươi ba triệu, một trăm tám mươi nghìn, một trăm bốn mươi ba) đồng; phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là: 4.853.421 (bốn triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi mốt) đồng, theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 120822-4493749-01-SME ngày 16/8/2022 và các Khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số 170123-4493749-ONL-20 ngày 17/01/2023 (LD2301703210): Nợ gốc: 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 2.843.184 (hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm tám mươi tư) đồng; nợ lãi quá hạn: 55.287.883 (năm mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi ba) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 294.445 (hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm) đồng; tổng: 243.425.512 (hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm mười hai) đồng;

Khế ước nhận nợ số 130123-4493749-ONL-18 ngày 13/01/2023 (LD2301303078): Nợ gốc: 237.000.000 (hai trăm ba mươi bảy triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 3.628.931 (ba triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi mốt) đồng; nợ lãi quá hạn: 70.808.782 (bảy mươi triệu, tám trăm linh tám nghìn, bảy trăm tám mươi hai) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 375.818 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười tám) đồng; tổng: 311.813.531 (ba trăm mười một triệu, tám trăm mười ba nghìn, năm trăm ba mươi mốt) đồng;

Khế ước nhận nợ số 170123-4493749-ONL-21 ngày 18/01/2023 (LD 2301801526): Nợ gốc: 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 7.211.849 (bảy triệu, hai trăm mười một nghìn, tám trăm bốn mươi chín) đồng; nợ lãi quá hạn: 140.378.055 (một trăm bốn mươi triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm năm mươi lăm) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 746.871 (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi mốt) đồng; tổng: 618.336.775 (sáu trăm mười tám triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng;

Khế ước nhận nợ số 160123-4493749-ONL-19 ngày 16/01/2023 (LD2301603585): Nợ gốc: 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 2.917.338 (hai triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm ba mươi tám) đồng; nợ lãi quá hạn: 56.781.370 (năm mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 302.124 (ba trăm linh hai nghìn, một trăm hai mươi tư) đồng; tổng: 250.000.832 (hai trăm năm mươi triệu, tám trăm ba mươi hai) đồng;

Khế ước nhận nợ số 150223-4493749-ONL-24 ngày 15/02/2023 (LD2304601025): Nợ gốc: 668.000.000 (sáu trăm sáu mươi tám triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 14.652.077 (mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi bảy) đồng; nợ lãi quá hạn: 208.358.350 (hai trăm linh tám triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 1.517.393 (một triệu, năm trăm mười bảy nghìn, ba trăm chín mươi ba) đồng; tổng: 892.527.820 (tám trăm chín mươi hai triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi) đồng;

Khế ước nhận nợ số 220223-4493749-ONL-26 ngày 22/02/2023 (LD2305302014): Nợ gốc: 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 5.025.425 (năm triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi lăm) đồng; nợ lãi quá hạn: 87.292.109 (tám mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, một trăm linh chín) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 520.441 (năm trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi mốt) đồng; tổng: 372.837.975 (ba trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi lăm) đồng;

Khế ước nhận nợ số 200223-4493749-ONL-25 ngày 20/02/2023 (LD2305103115): Nợ gốc: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 4.849.421 (bốn triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi mốt) đồng; nợ lãi quá hạn: 93.514.932 (chín mươi ba triệu, năm trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 502.214 (năm trăm linh hai nghìn, hai trăm mười bốn) đồng; tổng: 398.866.567 (ba trăm chín mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi bảy) đồng;

Khế ước nhận nợ số 060223-4493749-ONL-23 ngày 06/02/2023 (LD2303705227): Nợ gốc: 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 2.410.016 (hai triệu, bốn trăm mười nghìn, không trăm mười sáu) đồng;

nợ lãi quá hạn: 47.611.233 (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm mười một nghìn, hai trăm ba mươi ba) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 252.887 (hai trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm tám mươi bảy) đồng; tổng: 200.274.137 (hai trăm triệu, hai trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm ba mươi bảy) đồng;

Khế ước nhận nợ số 020223-4493749-ONL-22 ngày 02/02/2023 (LD: 2303301362): Nợ gốc: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; nợ lãi trong hạn: 3.251.914 (ba triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm mười bốn) đồng; nợ lãi quá hạn: 63.147.428 (sáu mươi ba triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi tám) đồng; phạt chậm trả lãi (tính trên nợ lãi trong hạn): 341.228 (ba trăm bốn mươi mốt nghìn, hai trăm hai mươi tám) đồng; tổng: 266.740.570 (hai trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, năm trăm bảy mươi) đồng;

2.2 Về thời hạn trả nợ: chậm nhất là ngày 05/6/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền 3.554.823.719 (ba tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm mười chín) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/4/2024.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 05/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 120822-4493749-01-SME và các Khế ước nhận nợ số 170123-4493749-ONL-20 ngày 17/01/2023 (LD2301703210); số 130123-4493749-ONL-18 ngày 13/01/2023 (LD2301303078); số 170123-4493749-ONL-21 ngày 18/01/2023 (LD 2301801526); số 160123-4493749-ONL-19 ngày 16/01/2023 (LD2301603585); số 150223-4493749-ONL-24 ngày 15/02/2023 (LD2304601025); số 220223-4493749-ONL-26 ngày 22/02/2023 (LD2305302014); số 200223-4493749-ONL-25 ngày 20/02/2023 (LD2305103115); số 060223-4493749-ONL-23 ngày 06/02/2023 (LD2303705227); số 020223-4493749-ONL-22 ngày 02/02/2023 (LD: 2303301362) giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty trách nhiệm hữu hạn T nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

2.5 Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu ông Nguyễn Trường G phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản của ông Nguyễn Trường G (theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 16/8/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Q và ông Nguyễn Trường G) để thu hồi nợ.

2.6 Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ xử lý tài sản bảo lãnh của ông Nguyễn Trường G không đủ trả nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.7 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 51.548.237 (năm mươi mốt triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi bảy) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền tạm ứng án phí là: 45.330.000 (bốn mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0000236 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hạ Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An